

Số: 1101

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****NIÊN KHOÁ KẾT THÚC NGÀY 31/12/2012****Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THIÊN CHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Quý Trung Tâm lập ngày 31/12/2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Thuyết minh báo cáo tài chính của Quý Công ty từ trang 02 đến trang 09 đính kèm báo cáo kiểm toán này.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Quý Trung Tâm. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và quốc tế được Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Và đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính được soạn thảo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quý Trung Tâm vào ngày 31/12/2012 phù hợp với những chuẩn mực kế toán Quốc tế đối với các tổ chức phi lợi nhuận .

Kính chào trân trọng
PHÓ GIÁM ĐỐC



PHẠM GIA BẢO NGỌC
Số CC KTV: 1267/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẶNG QUANG MINH
Số CC KTV: 1530/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2012

<u>Mã</u>	<u>KHOẢN MỤC</u>	<u>30/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	TÀI SẢN		
	Tài sản cố định		
010	Tài sản cố định vô hình - Giá trị cửa hàng		
014	Tài sản cố định vô hình - khác		
028	Tài sản cố định hữu hình	1.495.615.233	1.685.375.629
028a	Khấu hao lũy kế	(1.208.555.733)	(1.257.740.435)
040	Tài sản tài chính (cho vay)	5.666.645.000	4.677.150.000
044	Tổng tài sản (I)	5.953.704.500	5.104.785.194
	Tài sản lưu động (II)		
050	Nguyên vật liệu, hàng hóa dở dang tồn kho	99.552.000	
060	Hàng hoá tồn kho		
064	tiền ứng trước theo đơn đặt hàng		
068	Trái quyền khách hàng và các TK liên quan khác		
072	Các trái quyền khác	1.872.843.347	3.668.199.951
084	Tiền gửi ngân hàng	6.467.276.098	3.999.383.546
088	Tiền tại quỹ	16.832.806	40.316.787
092	Chi phí trả trước		
096	Cộng II	8.456.504.251	7.707.900.284
110	TỔNG CỘNG (I+II)	14.410.208.751	12.812.685.478
	Vốn hoạt động		
120	Vốn xã hội hay cá nhân	6.243.542.392	6.243.542.392
124	Chênh lệch về đánh giá lại		
126	Dự trữ pháp định		
130	Dự phòng theo quy định		
132	Dự trữ khác		
134	Chuyển sang niên độ mới	5.223.070.134	1.333.339.747
136	Kết quả niên độ	2.007.684.063	3.889.730.387
140	Dự phòng theo quy định		
142	Tổng vốn hoạt động (I)	13.474.296.589	11.466.612.526



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2012

Mã	KHOẢN MỤC	30/12/2012	31/12/2011
	NỢ		
154	Dự phòng rủi ro và chi phí		
156	Tiền vay và các khoản nợ liên quan		
164	Tạm ứng và trả trước theo đơn đặt hàng		
166	Phải trả nhà cung cấp và các khoản liên quan		
172	Các khoản nợ khác	935.912.162	1.346.072.952
174	Lợi tức nhận trước		
176	Cộng II	935.912.162	1.346.072.952
180	TỔNG CỘNG (I+II)	14.410.208.751	12.812.685.478

TP HCM Ngày tháng năm 2012

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thân




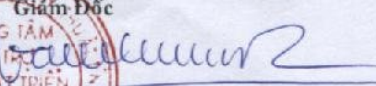
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
 Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012

<u>Mã</u>	<u>Diễn giải</u>	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	THU NHẬP		
70	Bán sản phẩm	2.520.044.278	1.709.168.996
701	Bán sản phẩm	2.512.494.278	1.702.528.996
703	Bán tài sản	7.550.000	6.640.000
71	Cung cấp dịch vụ	473.000	
72	Đánh giá lại tài sản		
74	Trợ cấp hoạt động	12.997.139.140	13.976.644.375
741	Trợ cấp từ các nhà tài trợ	12.940.426.640	13.866.993.875
778	Trợ cấp khác	56.712.500	109.650.500
76	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	240.843.754	268.089.347
766	Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ		39.359.775
768	lãi ngân hàng	59.885.754	78.672.572
768a	lãi tín dụng	180.958.000	150.057.000
	Tổng thu nhập	15.758.500.172	15.953.902.718
	CHI PHÍ		
60	Mua vật liệu	2.490.428.510	2.028.168.480
601	Mua nguyên liệu	2.210.233.102	1.791.066.460
(*)	Mua vật liệu khác, công cụ nhỏ	224.036.606	191.832.475
606	Mua năng lượng	56.158.802	45.269.545
61	Chi phí dịch vụ	4.717.875.950	4.651.463.065
613	Chi phí cư trú	186.571.100	106.230.700
615	Chi phí sửa chữa, nhiên liệu	682.886.594	533.929.545
617	Chi phí đào tạo & dụng cụ, VPP	3.483.995.534	3.710.977.170
618	Chi phí khác	364.422.722	300.325.650
62	Chi phí đi chuyển và dịch vụ khác	278.625.409	301.077.588
64	Chi phí nhân viên	5.319.091.708	4.063.230.654
65	Chi phí quản lý khác	-	-
66a	Chi phí tài chính	2.109.132	1.366.882
66b	Chi phí thanh lý tài sản	-	-
69	Chi phí chênh lệch tỷ giá, lo ban TS	13.340.706	37.481.164
67	Chi phí khác	406.023.000	552.285.200
68	Chi phí khấu hao tài sản	523.321.694	429.099.298
	Tổng chi phí	13.750.816.109	12.064.172.331
	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	2.007.684.063	3.889.730.387
	Thuế thu nhập		
	LỜI / LỖ	2.007.684.063	3.889.730.387

(*) Số cộng của TK 602,605

TP HCM Ngày 31 tháng 12 năm 2012



 Giám Đốc

 Nguyễn Văn Thân

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT TỈNH BÌNH THUẬN
TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
THIỆN CHÍ

Km06 QL01 Hàm Mỹ -Hàm Thuận Nam ĐT/Fax:: (062 3899224) Email:thichico@vnn.vn

www.thienchi.org

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

1. Đặc điểm của đơn vị

Hình thức :Trung tâm hỗ trợ và phát triển cộng đồng Thiện Chí (gọi tắt TT Thiện Chí) là một Tổ chức xã hội, trực thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Bình Thuận theo quyết định số 165 QĐ/ LHH ngày 08 tháng 12 năm 2005.

Lĩnh vực hoạt động : tư vấn, đào tạo và hỗ trợ phát triển nông thôn

Phạm vi hoạt động : Tỉnh Bình Thuận

2. Hình thức tổ chức sổ sách : Dùng phần mềm WBILAN của Công ty phần mềm kế toán COTE QUEST - FRANCE dùng để theo dõi quỹ tài trợ và hoạt động được ghi trong giấy phép số 165 QĐ/ LHH ngày 08 tháng 12 năm 2005.

3. Các chỉ tiêu tài chính :

Các chỉ tiêu tài chính dưới đây đã và đang được thực hiện tại Tỉnh Bình Thuận

3.1. *Tài sản hoạt động*

Tài sản bao gồm tất cả giá trị dụng cụ làm việc có giá trị lớn hơn 10.000.000 đồng. Một số tài sản được thanh lý do không còn giá trị sử dụng cũng như trước đây đã không thực hiện việc khấu hao tài sản:

ĐVT: VND

12/31/2012	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
TS và dụng cụ làm việc	1,685,375,629	382,746,000	572,506,396	1,495,615,233
Tại Đức Linh	178,752,000		121,073,000	57,679,000
Tại Thiện Chí	30,799,000		19,657,000	11,142,000
Tại Tánh Linh	156,510,034		79,770,396	76,739,638
Tại Hàm Thuận Nam	130,524,000		87,484,000	43,040,000
Trung Tâm vì tính TLinh	454,002,005	99,000,000	97,512,000	455,490,005
Tại trung tâm vì tính DL	337,392,590	192,546,000	19,080,000	510,858,590
Tại trung tâm vì tính HTN	397,396,000	91,200,000	147,930,000	340,666,000

3.2. *Khấu hao tài sản*

Tổng số tiền khấu hao năm 2012 là: 523.321.694đ.

3.3. Tình hình nhân viên

	Năm 2012	Năm 2011
Tổng số nhân viên (người) :	58	50
Tổng thu nhập của nhân viên (đ):	4.105.770.084	3.082.622.934
Bình quân thu nhập (đồng/người/tháng):	5.899.000	5.137.705

Chính sách tăng lương hàng năm vẫn không thay đổi. Tuy nhiên bình quân thu nhập năm 2012 tăng 13% so với năm 2011 một phần do trượt giá trong năm.

TT Thiện Chí có chính sách cho nhân viên mượn tiền quỹ bảo hiểm xã hội (không mượn quá 70% quỹ bảo hiểm xã hội của mình có), trả dần hàng tháng. Tổng số tiền nhân viên tạm ứng đến ngày 31/12/2012 là: 270.130.829 đồng.

Năm 2012, TT Thiện Chí đã tham gia chế độ BHXH cho toàn thể nhân viên.

3.4. Hoạt động tín dụng

Hoạt động cho vay vẫn được thực hiện tốt, tiền cho vay hỗ trợ kinh tế được nâng lên tới mức tối đa là 4.000.000đ. Bên cạnh đó để tạo công ăn việc làm cho người dân, dự án cũng tiếp tục hỗ trợ cho các cá nhân được vay tới mức tối đa là 25.000.000đ với lãi suất cho vay là 1%/tháng. Năm 2012, dự án tập trung vào chương trình hộ khó khăn cho vay vốn không lãi và có lãi 1% từ vòng 7 trở lên và có nhu cầu vay vốn để chăn nuôi, trồng trọt hay buôn bán nhỏ.

Tình hình nợ tín dụng như sau:

3.4.1. Cấp tín dụng

	Tổng cộng <u>VND</u>	Chương trình kinh tế <u>VND</u>	Chương trình xã hội <u>VND</u>
Tại 31/12/2012	5.566.645.000	5.566.645.000	
a) Vay đặc biệt :	3.000.000	3.000.000	
b) Vay hộ khó khăn :	5.563.645.000	5.563.645.000	
- Đức Linh	2.671.750.000	2.671.750.000	
- Tân Linh	2.029.700.000	2.029.700.000	
- Hàm Thuận Nam	862.195.000	862.195.000	

3.4.2. Chuyển giao vốn tín dụng tại Đức Linh cho các xã quản lý

	Tổng Cộng <u>VND</u>	Chương trình kinh tế <u>VND</u>	Chương trình xã hội <u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2012	100.000.000	100.000.000	
- Trà Tân	100.000.000	100.000.000	

3.4.3. Thu nhập từ hoạt động tín dụng năm 2012:

- Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn:	59.885.754 VND
- Thu lãi từ hoạt động tín dụng:	180.958.000 VND

3.4.4. Thu nhập khác

- Thu lãi từ tiền quỹ bảo hiểm xã hội cho vay:	9.843.000 VND
- Thu khác:	46.869.500 VND

3.5. Chi phí cho hoạt động

Chi tiết các khoản chi trong năm 2012 như sau:

Nội dung chi phí		Số Tiền (VNĐ)
1. Chi phí nguyên liệu:		2,210,233,102
1.1 Chi phí hàng thủ công	1,592,960,685	
1.2 Chi phí hàng xe đạp tre	617,272,417	
2. Chi phí vật liệu khác, công cụ nhỏ		224,036,606
2.1 Chi phí văn phòng phẩm	33,430,800	
2.2 Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	130,771,406	
2.3 Chi phí máy vi tính trường học	59,834,400	
3. Chi phí năng lượng :		56,158,802
3.1 Chi phí gaz, điện , nước:	56,158,802	
4. Chi phí cư trú:		186,571,100
4.1 Chi phí thuê văn phòng, vật dụng văn phòng	186,571,100	
5. Chi phí sửa chữa, nhiên liệu:		682,886,594
5.1 Chi phí xăng xe và sửa chữa xe cho nhân viên công tác	682,886,594	
6. Chi phí đào tạo & dụng cụ , văn phòng phẩm		4,734,442,950
6.1 Chi phí ngày 31/05 (Ngày không hút thuốc lá)	92,191,000	
6.2 Chi phí tập huấn, họp nhóm hộ khó khăn	34,028,050	
6.3 Chi phí tập huấn cộng tác viên	82,338,500	
6.4 Chi phí tập huấn lớp nông nghiệp và thú y	62,141,200	
6.6 Chi phí tham quan chương trình nông nghiệp	42,509,000	
6.7 Chi phí làm mô hình chương trình nông nghiệp	67,805,000	
6.8 Chi phí mua dụng cụ, con giống chương trình nông nghiệp	26,283,000	
6.9 Chi phí photo tài liệu tập huấn nông nghiệp	6,863,600	
6.10 Chi phí hội thảo mô hình, hội thi	50,963,000	
6.11 Chi phí vật liệu giáo dục	116,146,850	
6.12 Chi phí tập huấn y tế học đường	325,446,800	
6.13 Chi mua thiết bị cho trường học	258,772,000	
6.14 Chi phí thuốc và thuốc tẩy giun cho trường học	4,179,500	
6.15 Chi cấp học bổng	1,192,511,900	
6.16 Chi phí cho đối tác	132,749,500	
6.17 Chi phí đào tạo nhân viên	248,012,536	
6.18 Chi phí diễn kịch	-	
6.19 Chi phí tập huấn đội kịch	-	
6.20 Chi phí mua thuốc hô hấp	565,000	
6.21 Chi phí mua thuốc tầm mùng chống bệnh sốt rét	7,119,000	
6.22 Chi phí hồ xí sạch cộng đồng	153,650,000	
6.23 Chi phí xử lý rác	372,879,300	
6.24 Chi phí kiểm toán	3,555,000	
6.25 Chi phí thẩm định mở rộng dự án	10,000,000	
6.26 Chi phí tập huấn phụ nữ	80,674,350	

6.27 Chi phí cho hộ khó khăn	321,102,722	
6.28 Chi phí làm cầu đường	406,023,000	
6.29 Chi phí thu gom bao nylon	-	
6.30 Tập huấn hàng thủ công	108,834,800	
6.31 Chi phí cho giáo viên anh van	1,776,648	
6.32 Tập huấn cho trung tâm vi tính	2,000,000	
6.33 Chi phí bán tài sản		
6.34 Chi phí khấu hao tài sản	523,321,694	
6.35 Chi phí rủi ro tín dụng	-	
7. Chi phí khác :		43,320,000
7.1 Chi phí linh tinh	43,320,000	
8. Chi phí đi chuyển và dịch vụ khác :		278,625,409
8.1 Chi phí vận chuyển	15,896,000	
8.2 Chi phí công tác nhân viên	99,767,000	
8.3 Chi phí điện thoại, fax, gửi thư	162,962,409	
9. Chi phí nhân viên :		5,319,091,708
9.1 Chi phí lương nhân viên	4,105,770,084	
9.2 Chi phí lương và chi khác cho CTV	666,324,200	
9.3 Chi phí bảo hiểm tai nạn cho nhân viên	41,086,000	
9.4 Chi phí BHXH cho nhân viên	505,911,424	
10. Chi phí tài chính:		15,449,838
10.1 Chi phí ngân hàng 93	66,000	
10.2 Chi phí ngân hàng 94	514,800	
10.3 Chi phí ngân hàng 95	66,759	
10.4 Chi phí ngân hàng 96	745,693	
10.5 Chi phí ngân hàng 16	-	
10.6 Chi phí tài chính	715,880	
10.7 Chênh lệch tỷ giá	13,340,706	
11. Chi phí tài trợ:		
11.1 Tài trợ cho Tánh linh	-	
11.2 Tài trợ cho Hàm Thuận Nam	-	
12. Chi phí khác :		
12.1 Chi phí khác	-	
Tổng cộng		13,750,816,109

4. Nguồn tài trợ

Các nguồn tài trợ nhận được năm 2012

STT	Tên Tổ Chức Tài Trợ	Tiền VNĐ
1	Việt Nam Plus VN	3,140,000,000
2	Private Donations	106,382,518
3	Mekong Plus	8,942,063,380
4	Nhận tài trợ từ HSBC	288,855,900
5	Đại Sứ Quán Pháp	394,736,842
6	B/O Amcham community	68,388,000
TỔNG CỘNG		12,940,426,640

TP.HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc



Nguyễn Văn Thân